

BẢNG TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐIỂM THI ĐUA NĂM 2023
XÃ BA BÍCH

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
I	Chỉ tiêu I: Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh		1.389,0				
1	Tổng giá trị sản xuất (nông, lâm - thủy sản; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại - dịch vụ) (Giá trị so sánh năm 2010)	100	105		5 Tổng giá trị sản xuất năm 2023 đạt 60,93 tỷ, đạt 105,05% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 (KH 58 tỷ đồng)	0	Tính theo công thức (số điểm = Tổng giá trị thực hiện trong năm/tổng giá trị được giao trong năm hoặc tổng giá trị thực hiện năm trước)x100 (phòng TC-KH thẩm định)
2	Tỷ lệ % tăng hoặc giảm thu ngân sách trong dự toán huyện giao.	100	95		0	5 Thu tại địa phương: 34.265.077 đ/ 36.000.000 đ x 100 = 95%	Tính theo công thức (Số thu đạt được cuối năm/ kế hoạch huyện giao đầu năm hoặc thực hiện trong năm trước) x100 (phòng TC-KH, Chi Cục thuế hoặc Kho bạc huyện thẩm định)
3	Xã có 100% thôn đạt văn hóa tính 100 điểm. Nếu tỉ lệ (%) thôn văn hóa năm sau cao hơn năm trước được cộng cứ 01 % thưởng 01 điểm, còn tỉ lệ thấp hơn năm trước 01 % bị trừ 01 điểm.	100	110		10 (Số thôn được công nhận năm sau: 5/số thôn được công nhận năm trước 4 x 100 = 125%)	0	Tính theo công thức Số điểm = Số thôn được công nhận năm sau/ số thôn được công nhận năm trước x 100 (có xác nhận phòng VH-TT huyện thẩm định)

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
4	Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, hỏa hoạn đạt kết quả tốt trên địa bàn. Tiêu chí đánh giá: (Tốt, khá, trung bình). Để xảy ra tình trạng cháy rừng hoặc phá rừng trừ 02 điểm/vụ. (Nếu bị thiệt hại nghiêm trọng không tính điểm nội dung này)	100	98			2 Trong năm trên địa bàn xảy ra 01 phá rừng	Lấy điểm chuẩn trừ điểm vi phạm. (Có ý kiến nhận xét của Hạt Kiểm lâm huyện; Mức độ nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.
5	Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế ở địa phương, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh kịp thời. Tiêu chí đánh giá: (Tốt, khá, trung bình)	100	102		2 Trong năm xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	Trên địa bàn xã không để xảy ra ngộ độc thực phẩm tập thể (từ 5 người trở lên) xảy ra dịch bệnh	- Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (có quyết định công nhận của UBND tỉnh)
6	Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về giáo dục và 100% học sinh có mặt so với đầu năm tính 100 điểm. - Tỷ lệ học sinh bỏ lớp so với số học sinh đến trường đầu năm. - Trường đạt chuẩn quốc gia trong năm được cộng 02 điểm/trường.	100	99			1 Số học sinh cuối năm: 333/số học sinh đầu năm $337 \times 100 = 98,8\%$	Tính theo công thức: Số điểm = Số học sinh cuối năm/số học sinh đầu năm x 100 (xác nhận của Phòng giáo dục)

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
7	- Mỗi % giảm tỉ lệ hộ nghèo so với kế hoạch huyện giao tính 01 điểm; đạt 100% giảm tỉ lệ hộ nghèo theo KH huyện giao, được tính 100 điểm, (theo chuẩn giai đoạn 2016-2020). - Đối với chỉ tiêu xuất khẩu lao động (XKLD): không tính theo điểm chuẩn mà chỉ tính điểm thưởng, nếu vượt chỉ tiêu huyện giao về XKLD thì được cộng thêm điểm thưởng; cứ vượt chỉ tiêu huyện giao 01% thì được thưởng 1 điểm; nếu không đạt chỉ tiêu huyện giao không bị trừ điểm.	100	110		10	0	Tính theo công thức (Tỷ lệ % hộ nghèo đầu năm - Tỷ lệ % hộ nghèo cuối năm)/giảm Tỷ lệ hộ nghèo huyện giao. Lấy số người XKLD thực hiện trong năm/chỉ tiêu XKLD huyện giao x 100, (có xác nhận do Phòng Lao động TB&XH thẩm định).
8	Địa phương trong năm không có người sinh con thứ 3 được tính 100 điểm. Tỷ lệ % giảm số người sinh con thứ 3 trở lên so với năm trước, cứ 1% giảm được tính 01 điểm, 1% tăng trừ 01 điểm.	100	100			Trong năm 2023 xã không có người sinh con thứ 3	Tính theo công thức (Tỷ lệ % năm trước - tỷ lệ % năm sau)
9	Tham gia các hoạt động văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao cấp huyện; cấp tỉnh, cấp khu vực đạt thành tích được tặng bằng khen, giấy khen được tối đa 100 điểm. Nhận xét:	100	100		0	Đối với xã nào không tham gia các hoạt động thể dục, thể thao... do huyện tổ chức thì trừ 2 điểm/lần tổ chức. Điểm tối đa không quá 10 điểm	<i>(Các Huy chương các cấp có xác nhận của Bộ Văn hoá-Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi năm hoặc chứng nhận của huyện). Photo giấy chứng nhận.</i>
10	Các xã đạt 19 tiêu chí về XD nông thôn mới trong năm 2020 tính 100 điểm <i>(có Quyết định công nhận 2020 được cộng riêng 5 điểm).</i> <i>(Chỉ tiêu này không tính đối với thị trấn Ba Tơ)</i>	100	60				Tính theo công thức: Số điểm = (tổng số tiêu chí của xã đạt được trong năm)

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
11	- Tập thể hoặc cá nhân có những nghĩa cử cao đẹp như: hiến đất; đóng góp tiền của làm đường, điếm chứa rác thải, làm trường, công trình phúc lợi .v.v. để phát triển dân sinh, xây dựng nông thôn mới được cộng điểm thưởng.				- Mỗi nghĩa cử cao đẹp được thưởng 01 điểm cho 01 tập thể và 0,5 điểm cho 01 cá nhân, nhưng điểm cộng của nghĩa cử không quá 10 điểm.	- Tập thể, cá nhân có hành vi cản trở việc xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ dân sinh, xây dựng nông thôn mới trừ 01 điểm đối với 01 tập thể, 0,5 điểm đối với cá nhân. Trừ không quá 10 điểm	<i>(Các nghĩa cử cao đẹp phải được UBND tỉnh hoặc huyện, xã, thị trấn có Quyết định công nhận khen thưởng được ký trong năm; Có quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền)</i>
12	- Xã, thị trấn để xảy ra tai nạn giao thông làm chết người, bị trừ 01 điểm/vụ có người chết (Nếu nguyên nhân do người dân địa phương) - Nếu để xảy ra án mạng nghiêm trọng (chết người), mỗi vụ trừ 01 điểm	100	100				Lấy điểm chuẩn trừ điểm vi phạm (có xác nhận số vụ có người chết của Công an huyện)
13	Hoàn thành 100% chỉ tiêu công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ tính 100 điểm	100	110		10 Thực hiện 7/6 chỉ tiêu giao huyện giao x 100 = 117%	Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2023 vượt chỉ tiêu giao	Số công dân nhập ngũ/kế hoạch giao quân (<i>Ý kiến xác nhận của Ban Chỉ huy Quân sự huyện</i>)
14	Công tác huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đạt kế hoạch Ban Chỉ huy Quân sự huyện giao.	100	100		Mỗi % thực hiện tính 01 điểm, hoàn thành 100% tính 100 điểm		<i>Ý kiến xác nhận của Ban Chỉ huy Quân sự huyện</i>
15	Thực hiện phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn năm 2022.	100	100		Tốt (XS): 100 điểm Khá: 95 điểm TB: 90 điểm	Hàng năm đơn vị không có đăng ký “An toàn về an ninh trật tự” với Công an huyện trừ 10 điểm	<i>Ý kiến xác nhận của Công an huyện</i>
	Tổng điểm chỉ tiêu I:				Tổng điểm Tiêu chí 1= Tổng số điểm của các chỉ tiêu + Điểm thưởng (nếu có) - Điểm trừ vi phạm(nếu có)/15 tiêu chí 1.389:14 = 99,21 đ		

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
II	Chỉ tiêu II: Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị .		880				
1	Mỗi cán bộ, công chức, cán bộ cấp thôn, TDP vi phạm xử lý từ hình thức khiển trách trở lên, hoặc sinh con thứ 3.	100	100			Mỗi trường hợp vi phạm trừ 01 điểm; vi phạm Luật giao thông bị xử phạt hành chính, trừ 01 điểm; phạm lỗi gây tai nạn chết người, mỗi trường hợp bị trừ 02 điểm. Trừ tối đa không quá 10 điểm	Có quyết định xử lý kỷ luật của cấp huyện trở lên (<i>lấy số liệu của cơ quan chức năng liên quan huyện</i>)
2	- Giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo theo quy định. Đơn vị có sai phạm thu hồi tiền thanh tra, có quyết định thu hồi của huyện hoặc của tỉnh (trừ 10 điểm/2.000.000 đồng)	100	110		10 Giảm 50% so với năm trước (năm 2023: 2 đơn/năm 2022: 4 đơn) cộng không quá 10 điểm	Mỗi % đơn thư khiếu nại tăng so với năm trước bị trừ 0,5 điểm. Trừ 01 điểm/5 triệu đồng. Trừ không quá 10 điểm	Xin ý kiến nhận xét của Thanh tra huyện
3	Xây dựng, củng cố tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh: Chi, Đảng bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu; trong sạch, vững mạnh; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ được tính điểm; Chi, Đảng bộ yếu kém không tính điểm.	100	95		TSVM, TB: cộng 10 điểm. TSVM: 100 điểm HTTNV: 95 điểm HTNV: 90 điểm Yếu kém không tính điểm		Lưu ý: Lấy kết quả xếp loại cuối năm (có xác nhận của Ban tổ chức Huyện ủy)
4	Mặt trận	100	95		HTTNV		TS VM, (XS, tốt): 100đ Khá (VM): 95 điểm TB: 90 điểm Yếu: Không tính điểm.

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	100	95		HTTNV		TS VM, (XS, tốt): 100đ Khá (VM): 95 điểm TB: 90 điểm Yếu: Không tính điểm.
6	Hội Nông dân Việt Nam huyện	100	100		HTXSNV		TS VM, (XS, tốt): 100đ Khá (VM): 95 điểm TB: 90 điểm Yếu: Không tính điểm.
7	Đoàn Thanh niên	100	95		HTTNV		TS VM, (XS, tốt): 100đ Khá (VM): 95 điểm TB: 90 điểm Yếu: Không tính điểm.
8	Hội Cựu Chiến binh	100	95		HTTNV		TS VM, (XS, tốt): 100đ Khá (VM): 95 điểm TB: 90 điểm Yếu: Không tính điểm.
9	Liên đoàn Lao động huyện	100	95		HTTNV		TS VM, (XS, tốt): 100đ Khá (VM): 95 điểm TB: 90 điểm Yếu: Không tính điểm.
	Tổng điểm bình quân chỉ tiêu II:				Tổng điểm Tiêu chí 2 = Tổng số điểm của các chỉ tiêu + Điểm thưởng (nếu có) - Điểm trừ vi phạm (nếu có) / 9 tiêu chí 880 : 9 = 97.77		
III	Chỉ tiêu III: Công tác thi đua, khen thưởng		396		Tổng điểm cộng không quá 10 điểm	Tổng điểm trừ không quá 10 điểm	
1	Đầu năm không đăng ký, tổ chức phát động các phong trào thi đua và không tổ chức tổng kết công tác thi đua, khen thưởng trừ 05 điểm.	100	100		Tốt :100 Khá : 95 Trung bình: 90 Thực hiện tốt các nội dung cộng 01 điểm	<i>Không đăng ký giao ước thi thi đua, không gửi phát động phong trào thi đua của xã cho Cụm thi đua không tính điểm</i>	<i>Có ý kiến của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng huyện và căn cứ văn bản Kế hoạch phát động thi đua của các xã, thị trấn</i>

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
2	- Không báo cáo theo chế độ tháng, quý, năm, báo cáo đột xuất theo chỉ thị của UBND huyện, mỗi kỳ trừ 10 điểm. Báo cáo chậm theo quy định trừ 05 điểm. - Gửi báo cáo tổng kết, chấm điểm thi đua sau ngày quy định của cụm thi đua 31/12 hằng năm bị trừ 10 điểm.	100	100				Có ý kiến của Văn phòng Ủy ban huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện
3	- Đầu năm phát động và triển khai thực hiện tốt phong trào "Ba Tư chung sức xây dựng nông thôn mới" phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương. Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, cuối năm đánh giá, phân loại báo cáo bộ tiêu chí nông thôn mới kịp thời.	100	100		Tốt :100 Khá : 95 Trung bình: 90 Thực hiện tốt cộng 01 điểm	Không thực hiện tốt trừ 10 điểm	Có ý kiến của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện
4	- Bị UBND huyện nhắc nhở bằng văn bản về thực hiện nhiệm vụ được giao. - Lãnh đạo UBND xã, thị trấn không tham dự các cuộc họp do cụm tổ chức hoặc UBND huyện tổ chức.	100	96			Trừ 01 điểm/lần, trừ không quá 04 điểm Trừ 01 điểm/lần, trừ không quá 04 điểm	(Có ý kiến của văn phòng UBND huyện)
	Tổng điểm chỉ tiêu III:					Tổng số điểm Tiêu chí 3= Tổng điểm các tiêu chí+Điểm thưởng (nếu có) - Điểm vi phạm (nếu có) 396 : 4 = 99	
	Điểm tổng					Tổng điểm = Tổng điểm chỉ tiêu I + Tổng điểm chỉ tiêu II + Tổng điểm chỉ tiêu III + điểm cộng (nếu có) 99,21 +97,77 +99 = 295,98: 3 = 98,66 điểm +1 =99,7	

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm chấm của cụm	Điểm cộng (thưởng)	Điểm trừ	Ghi chú
----	----------	------------	--------------	-------------------	--------------------	----------	---------

Lưu ý:

1. Đối với các xã, thị trấn đăng cai làm Cụm Trưởng và Cụm Phó thì được cộng điểm thưởng trách nhiệm, Cụm Trưởng cộng 2 điểm, Cụm Phó cộng 1 điểm vào tổng điểm các tiêu chí (*Điểm thưởng trách nhiệm không cộng chung các tiêu chí để chia bình quân mà được cộng trực tiếp khi có điểm kết quả bình quân của các tiêu chí*)
2. Hàng năm Cụm Trưởng và Cụm Phó tham mưu văn bản xin ý kiến các cơ quan, ban, ngành, hội đoàn thể, đơn vị sự nghiệp để cung cấp các số liệu liên quan đến các chỉ tiêu trong bảng điểm này để làm căn cứ chấm điểm.
3. Khi thực hiện việc chấm điểm hàng năm các xã, thị trấn chèn thêm cột điểm tự chấm và cột chấm điểm của cụm trên bảng thang điểm trên./.